jīng hàn

精悍

adjective · capable and vigorous

Example Sentences

tā shēn cái jīng hàn dòng zuò mǐn jié
他 身 材 精 悍， 动 作 敏 捷。

He is capable and vigorous in build, with agile movements.

zhè wèi jīng hàn de jīng lǐ dài lǐng tuán duì wán chéng le rèn wù
这 位 精 悍 的 经 理 带 领 团 队 完 成 了 任 务。

This capable and vigorous manager led the team to complete the task.

Trace each character, then write the word on your own.

精 精 精 精 精 精 精 精 精 精 精

精 精 精 精 精 精

悍 悍 悍 悍 悍 悍 悍 悍 悍 悍 悍

悍 悍